

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải, ông Y Dhiệu Hmok

Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Trần T, sinh năm 1981; có mặt
Trú tại: Số 13 L, tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1980; vắng mặt
Trú tại: Số 13 L, tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03-11-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Trần T trình bày có nội dung:

Bà Trịnh Trần T và ông Nguyễn Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2011, tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện mâu thuẫn đã quá trầm

trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Trịnh Trần T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông H có một con chung tên Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 04/7/2011. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 03-11-2021 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; Ngày 05-11-2021, Tòa án Thông báo về quyền lựa chọn hoà giải và lựa chọn hoà giải viên; Ngày 08-11-2021 nguyên đơn có đơn đề nghị không yêu cầu hoà giải và không lựa chọn hoà giải viên khi ly hôn; Ngày 12-11-2021 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà T xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, tình trạng mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể hàn gắn được và đã ly thân ba năm nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông H thì địa phương không nắm rõ vì ông, bà không trình báo nhưng hiện nay vợ chồng sống ly thân đã lâu.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông H đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà T ly hôn ông H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/7/2011.

Xét nguyện vọng của bà T xin được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành, HĐXX thấy rằng: Ông H không tham gia tố tụng tại Tòa án, bà T có nguyện vọng nuôi con chung và cháu N cũng có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cũng như đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý của cháu, nên HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng của bà T là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn bà Trịnh Trần T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trịnh Trần T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

2. **Về con chung:** Giao con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 04/7/2011 cho bà Trịnh Trần T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Minh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trịnh Trần T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 60AA/2021/0008351 ngày 24-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THA dân sự thị xã B
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Kim Chung